

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Số 1 Lương Định Của -Phương Mai -Đống Đa-Hà Nội

---



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Hà Nội T7- 2015



CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>368,743,804,507</b>	<b>450,377,560,503</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>25,107,242,118</b>	<b>97,094,853,557</b>
1. Tiền	111	V.1	25,107,242,118	77,094,853,557
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	0	20,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2,626,660,100</b>	<b>2,386,660,700</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3,944,000,000	3,944,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1,317,339,900)	(1,557,339,300)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>165,108,432,853</b>	<b>134,463,843,958</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	115,680,207,133	101,691,025,673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12,789,089,968	12,562,321,890
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3,413,953,964	3,413,953,964
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	35,909,899,763	19,481,260,406
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2,684,717,975)	(2,684,717,975)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>175,564,488,797</b>	<b>214,617,801,926</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	178,848,005,549	217,611,677,436
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,283,516,752)	(2,993,875,510)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>336,980,639</b>	<b>1,814,400,362</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	0	1,807,000,362
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		336,980,639	7,400,000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>733,831,640,855</b>	<b>495,532,097,653</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78,315,947,102</b>	<b>53,656,421,528</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	73,076,493,433	47,689,301,193
- Nguyên giá	222		119,190,022,627	89,620,626,256
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46,113,529,194)	(41,931,325,063)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9	5,239,453,669	5,967,120,335
- Nguyên giá	228		10,751,787,000	10,751,787,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,512,333,331)	(4,784,666,665)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>66,391,807,484</b>	<b>26,820,163,405</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241	V.7	66,391,807,484	26,820,163,405



**CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>588,616,984,006</b>	<b>415,031,287,720</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	576,843,344,006	37,033,188,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	0	369,700,019,720
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	11,773,640,000	8,298,080,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>506,902,263</b>	<b>24,225,000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		506,902,263	24,225,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,102,575,445,362</b>	<b>945,909,658,156</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>338,871,093,008</b>	<b>194,433,334,591</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>300,942,887,743</b>	<b>194,433,334,591</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	78,672,433,676	89,104,414,964
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6,362,976,531	17,338,581,655
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4,028,407,441	2,191,691,929
4. Phải trả người lao động	314		31,404,558,689	31,090,139,221
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1,234,720,459	530,643,428
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	36,274,646,361	12,588,566,452
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	115,387,820,750	24,044,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27,577,323,836	17,545,296,942
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37,928,205,265</b>	
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		37,928,205,265	



**CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>763,704,352,354</b>	<b>751,476,323,565</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>763,704,352,354</b>	<b>751,476,323,565</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	331,245,527,850	331,245,527,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	200,478,359,094	140,402,261,406
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	79,030,465,410	126,878,534,309
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,884,996,210	126,878,534,309
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		73,145,469,200	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,102,575,445,362</b>	<b>945,909,658,156</b>

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên







**CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tại ngày 30/06/2015

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		366,756,067,685	334,354,874,771
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(241,082,760,008)	(261,480,547,904)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38,822,966,710)	(28,533,664,914)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2,587,793,728)	(14,000,000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,873,445,296)	(578,464,505)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10,476,632,273	23,100,188,802
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(32,832,661,577)	(58,963,415,677)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>60,033,072,639</b>	<b>7,884,970,573</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(55,674,870,902)	(9,353,156,000)
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			236,749,895
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(190,062,013,838)	(236,885,640,103)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,375,828,612	1,097,346,080
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(238,361,056,128)</b>	<b>(244,904,700,128)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31			329,231,825,000
2. Tiền trả lại v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32			(102,270,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	183,203,497,315	103,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(53,931,471,300)	(103,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22,942,500,000)	(15,029,268,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>106,329,526,015</b>	<b>314,100,287,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(71,998,457,474)</b>	<b>77,080,557,445</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>97,094,853,557</b>	<b>53,318,123,331</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		10,846,035	4,732,345
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>25,107,242,118</b>	<b>130,403,413,121</b>

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tỷ



Trần Kim Liên



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.**

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

**2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.**

**3. Ngành nghề kinh doanh.**

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu : Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

➤ Danh sách các công ty con :

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
- Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.  
Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Miền Trung
  - Chi nhánh Thái Bình
  - Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
  - Chi nhánh Thanh Hóa
  - Chi nhánh Hà Nam
  - Xí nghiệp Ba Vì
  - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Ba Vì
  - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Khoái Châu
  - Nhà máy chế biến Thường Tín
  - Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.
- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 327 người lao động.

7. Thông tin trên Báo cáo tài chính có khả năng so sánh với số cùng kỳ năm trước.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
2. Tuyên bố về việc tuân thủ : Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**c. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

**d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức của năm trước khi trở thành công ty con ghi nhận giảm giá gốc đầu tư.

**đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

**e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính**

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### ➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

#### ➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

#### ➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### ➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

➢ Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

➢ Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.  
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.  
Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.
- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

**18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

**19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán**

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

**21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ trở đi 3 đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2015 là năm thứ 5 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 22% (thay đổi từ ngày 01/1/2014).

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang**

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	5,578,705,686	7,381,330,681
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19,528,536,432	69,713,522,876
Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b><u>25,107,242,118</u></b>	<b><u>77,094,853,557</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh.**

	30/06/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu						
	3,944,000,000	2,626,660,100	(1,317,339,900)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)
Công ty CP cảng rau quả (VGP)						
	3,944,000,000	2,626,660,100	(1,317,339,900)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn			20,000,000,000	20,000,000,000
Trái phiếu				
Các khoản đầu tư khác				



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****> Tỷ lệ sở hữu (%)**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	420,860	84.17%	420,860	84.17%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	9,219,130	61.49%	5,996,940	40.0%
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Giống cây trồng Thái Bình	87,938	8.83%	62,126	6.24%



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**  
 Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

➤ **Giá trị vốn góp**

	30/06/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
1 Đầu tư vào công ty con	576,843,344,006			37,033,188,000
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608,000,000			30,608,000,000
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	6,425,188,000			6,425,188,000
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	539,810,156,006			
2 Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam				369,700,019,720
3 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	11,773,640,000			8,298,080,000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**3. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng ngắn hạn (chi tiết 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)**

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Phải thu của khách hàng	113,930,417,905	99,947,126,148
Phải thu của bên liên quan	1,749,789,228	1,743,899,525
<b>Cộng</b>	<b>115,680,207,133</b>	<b>101,691,025,673</b>

Số dư nợ phải thu của khách hàng tại ngày 30/06/2015 không có khoản phải thu nào vượt qua 10% trên tổng phải thu khách hàng.

**4. Phải thu khác**

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác, trong đó :	35,909,899,763		19,481,260,406	
Tạm ứng đầu tư	14,275,380,000		13,700,940,000	
Phải thu cổ tức từ SSC	18,438,260,000			
Phải thu khác	3,196,259,763		5,780,320,406	

**5. Nợ xấu**

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	2,684,717,975		2,684,717,975	
- Công ty TNHH Hải Anh	2,624,129,975		2,624,129,975	
- Khách hàng khác	60,588,000		60,588,000	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18,832,171,520		18,970,670,649	
Công cụ, dụng cụ	12,149,500		9,685,500	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,538,436,296		921,085,147	
Thành phẩm	151,943,791,983	(3,283,516,752)	168,000,049,237	(2,993,875,510)
Hàng hoá	6,521,456,250		29,710,186,903	
<b>Cộng</b>	<b>178,848,005,549</b>	<b>(3,283,516,752)</b>	<b>217,611,677,436</b>	<b>(2,993,875,510)</b>

**7. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:</b>		
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Kho DTQG	3,548,287,000	3,466,687,000
Dự án xây dựng nhà làm việc		14,354,709,741
Dự án Đồng Văn	60,430,492,973	6,451,029,000
Công trình khác	137,902,047	434,291,000
Server VPCT	161,678,800	
<b>Cộng</b>	<b>66,391,807,484</b>	<b>26,820,163,405</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**  
 Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	45,335,605,388	29,432,697,145	14,151,760,723	700,563,000	89,620,626,256
2. Tăng, giảm trong năm	28,744,020,371		786,976,000	38,400,000	29,569,396,371
-Mua trong năm					
-Đầu tư XDCB hoàn thành	28,744,020,371		786,976,000	38,400,000	29,569,396,371
-Tăng khác					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
3. Số cuối năm	74,079,625,759	29,432,697,145	14,938,736,723	738,963,000	119,190,022,627
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	16,200,436,775	18,653,983,478	6,504,445,615	572,459,195	41,931,325,063
2. Tăng, giảm trong năm	1,674,258,419	1,807,228,344	667,858,746	32,858,622	4,182,204,131
-Khấu hao trong năm	1,674,258,419	1,807,228,344	667,858,746	32,858,622	4,182,204,131
-Tăng khác					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
3. Số cuối kỳ	17,874,695,194	20,461,211,822	7,172,304,361	605,317,817	46,113,529,194
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	29,135,168,613	10,778,713,667	7,647,315,108	128,103,805	47,689,301,193
2. Tại ngày cuối năm	56,204,930,565	8,971,485,323	7,766,432,362	133,645,183	73,076,493,433

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 12,616,125,694 đồng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số đầu năm	2,395,787,000	8,285,000,000	71,000,000	10,751,787,000
2. Tăng trong kỳ				
-Mua trong năm				
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				
-Tăng khác				
-Thanh lý, nhượng bán				
-Giảm khác				
3. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	8,285,000,000	71,000,000	10,751,787,000
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
1. Số đầu năm	120,000,000	4,593,666,665	71,000,000	4,784,666,665
2. Tăng trong kỳ		727,666,666		727,666,666
-Khấu hao trong năm		727,666,666		727,666,666
-Tăng khác				-
-Thanh lý, nhượng bán				-
-Giảm khác				-
3. Số dư cuối kỳ	120,000,000	5,321,333,331	71,000,000	5,512,333,331
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	2,275,787,000	3,691,333,335		5,967,120,335
2. Tại ngày cuối kỳ	2,275,787,000	2,963,666,669		5,239,453,669

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1,691,000,000 đồng

**10. Chi phí trả trước**

	<u>30/06/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
Công cụ, vật liệu xuất dùng		1,807,000,362
Các khoản khác		
<b>Cộng</b>		<b><u>1,807,000,362</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**  
 Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Vay ngắn hạn						
Ngắn hạn ngân hàng	113,896,766,000	113,896,766,000	143,784,237,300	53,931,471,300	24,044,000,000	24,044,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1,491,054,750	1,491,054,750	1,491,054,750			
<b>Cộng</b>	<b>115,387,820,750</b>	<b>115,387,820,750</b>	<b>145,275,292,050</b>	<b>53,931,471,300</b>	<b>24,044,000,000</b>	<b>24,044,000,000</b>
b Vay dài hạn	37,928,205,265	37,928,205,265	39,419,260,015	1,491,054,750		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**12. Phải trả người bán**

	30/06/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	78,672,433,676	78,672,433,676	89,104,414,964	89,104,414,964
Công ty TNHH giống cây trồng Vạn Xuyên - TQ	15,745,748,522	15,745,748,522	47,018,337,704	47,018,337,704
Công ty TNHH giống cây trồng Thịnh Dự - TQ	1,158,440,400	1,158,440,400	14,153,658,760	14,153,658,760
Phải trả cho các đối tượng khác	61,768,244,754	61,768,244,754	27,932,418,500	27,932,418,500
b Phải trả dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>78,672,433,676</b>	<b>78,672,433,676</b>	<b>89,104,414,964</b>	<b>89,104,414,964</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	86,593,920	3,040,597,763	3,034,246,102	92,945,581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	863,476,262	2,939,589,412	1,873,445,296	1,929,620,378
Thuế thu nhập cá nhân	1,087,315,718	3,945,669,418	3,046,759,149	1,986,225,987
Tiền thuê đất, thuế đất	154,306,029	193,661,464	328,351,998	19,615,495
Thuế khác		12,000,000	12,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>2,191,691,929</b>	<b>10,131,518,057</b>	<b>8,294,802,545</b>	<b>4,028,407,441</b>
b Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	7,400,000	420,773,892	91,193,253	336,980,639
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa				
<b>Cộng</b>	<b>7,400,000</b>	<b>420,773,892</b>	<b>91,193,253</b>	<b>336,980,639</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**14. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
a Ngắn hạn	1,234,720,459	530,643,428
Các khoản trích trước khác	1,234,720,459	530,643,428
b Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b><u>1,234,720,459</u></b>	<b><u>530,643,428</u></b>

**15. Phải trả khác**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
a Ngắn hạn	36,274,646,361	12,588,566,452
Kinh phí công đoàn	85,552,420	14,720,000
Bảo hiểm xã hội	94,185,573	9,658,188
Bảo hiểm y tế	5,198,814	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	22,942,500,000	
Ban quản lý khu công nghiệp	5,063,862,886	5,063,862,886
Các khoản phải trả phải nộp khác	8,083,346,668	7,500,325,378
b Dài hạn		



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**  
 Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư ngày tại 01/01/2014	100,298,380,000	54,797,592,850		89,769,343,829	262,128,000	85,678,195,516	330,805,640,195
Lợi nhuận thuần trong năm						121,333,538,099	121,333,538,099
Phát hành cổ phiếu	52,651,620,000	276,447,935,000					329,099,555,000
Mua cổ phiếu quỹ			(102,270,000)				(102,270,000)
Bán cổ phiếu quỹ			102,270,000				102,270,000
Phân phối vào các quỹ				55,220,988,498		(55,220,988,498)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi						(9,482,794,308)	(9,482,794,308)
Chi cô tức						(15,029,416,500)	(15,029,416,500)
Sử dụng các quỹ				(4,588,070,921)			(4,588,070,921)
Thù lao HĐQT và BKS						(400,000,000)	(400,000,000)
Tặng khác					5,024,510,000		5,024,510,000
Giảm khác					(5,286,638,000)		(5,286,638,000)
Số dư ngày tại 31/12/2014	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,402,261,406	-	126,878,534,309	751,476,323,565



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư ngày tại 01/01/2015	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,402,261,406	-	126,878,534,309	751,476,323,565
Lợi nhuận thuần trong năm						73,145,469,200	73,145,469,200
Chi cổ tức						(22,942,500,000)	(22,942,500,000)
Thù lao HĐQT và BKS						(240,000,000)	(240,000,000)
Phân phối vào các quỹ				61,771,278,935		(61,771,278,935)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi						(13,097,259,164)	(13,097,259,164)
Chi cổ tức						(22,942,500,000)	(22,942,500,000)
Sử dụng các quỹ				(1,695,181,247)			(1,695,181,247)
Số dư tại ngày cuối kỳ	152,950,000,000	331,245,527,850	-	200,478,359,094	-	79,030,465,410	763,704,352,354



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
- Vốn góp của Nhà nước	0	0
- Vốn góp của đối tượng khác	152,950,000,000	152,950,000,000
<b>Cộng</b>	<b>152,950,000,000</b>	<b>152,950,000,000</b>

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2015 (VND)	2014 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		100,298,380,000
+ Vốn góp tăng trong năm		52,651,620,000
+ Vốn góp giảm trong năm		0
+ Vốn góp cuối năm		152,950,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		15%

### d. Cổ phiếu

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,295,000	15,295,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

### e. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	Năm 2015	Năm 2014
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014	30%	30%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

### f. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	200,478,359,094	140,402,261,406
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
<b>Cộng</b>	<b>200,478,359,094</b>	<b>140,402,261,406</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

### 17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

- a. Tài sản nhận giữ hộ : 1,431,386,527 đồng  
b. Hàng hóa nhận giữ hộ : 33,757,000,000 đồng  
c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK
Tại quỹ	21,865	29,401	1,000,000
Tại ngân hàng	35.61	71,566.45	-

d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 208,213,500 đồng

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	442,775,318,154	381,589,551,508
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,972,727	
<b>Cộng</b>	<b>442,781,290,881</b>	<b>381,589,551,508</b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Chiết khấu thương mại	16,121,823,418	5,897,765,200
Giảm giá hàng bán		356,384,600
Hàng bán bị trả lại	24,684,018,770	15,784,019,400
<b>Cộng</b>	<b>40,805,842,188</b>	<b>22,038,169,200</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**3. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	36,715,525,744	45,788,177,739
Giá vốn của thành phẩm đã bán	221,629,516,009	196,275,920,673
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(289,641,242)	(356,323,172)
<b>Cộng</b>	<b>258,055,400,511</b>	<b>241,707,775,240</b>

Năm 2015 Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí bao bì đóng gói sản phẩm từ chi phí bán hàng sang chi phí giá vốn hàng bán và chi phí chiết khấu bán hàng từ chi phí bán hàng giảm trừ vào doanh thu bán hàng.

Công ty thực hiện phân loại lại các loại chi phí trên trong năm 2014 theo cách ghi nhận của năm 2015 để phục vụ việc phân tích, so sánh số liệu.

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	649,787,586	1,188,665,742
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,242,054,748	106,666,400
Lãi chênh lệch tỷ giá	484,107,316	338,034,888
Doanh thu hoạt động tài chính khác		20,338,265
<b>Cộng</b>	<b>6,375,949,650</b>	<b>1,653,705,295</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lãi tiền vay	2,144,121,025	14,000,000
Chiết khấu thanh toán	3,243,592,245	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	596,312,779	174,089,244
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản kinh doanh và tổn thất đầu tư	(239,999,400)	13,333,300
Chi phí hoạt động tài chính khác		88,495
<b>Cộng</b>	<b>5,744,026,649</b>	<b>201,511,039</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Các khoản khác	362,355,421	
<b>Cộng</b>	<b>362,355,421</b>	

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>a. Chi phí quản lý</b>	<b>31,863,750,770</b>	<b>29,513,571,795</b>
Chi phí nhân viên	23,160,960,577	20,884,452,959
Các khoản chi phí QLDN khác	8,702,790,193	8,629,118,836
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>36,965,517,222</b>	<b>30,148,397,278.</b>
Chi phí nhân viên	13,152,640,212	11,707,374,917.
Chi phí vận chuyển	8,886,428,319	6,586,621,592.
Chi khấu hao	3,801,804,062	4,115,710,230.
Các khoản chi phí bán hàng khác	11,124,644,629	7,738,690,539

Năm 2015 Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí bao bì đóng gói sản phẩm hàng hóa từ chi phí bán hàng sang chi phí giá vốn hàng bán. Công ty thực hiện phân loại lại chi phí bán hàng của năm 2014 theo cách ghi nhận của năm 2015 để phục vụ việc phân tích, so sánh số liệu.

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	267,821,131,435	237,437,670,976
Chi phí nhân công	41,946,154,652	37,301,920,462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,909,870,797	4,812,369,962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14,100,815,485	24,857,734,424
Chi phí bằng tiền khác	3,490,310,034	2,641,636,442
<b>Cộng</b>	<b>332,268,282,403</b>	<b>307,051,332,266</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	3,612,750,615	297,205,759
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	(673,161,203)	
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2,939,589,412</b>	<b>297,205,759</b>

### VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### 1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

ĐVT : VND

	30/06/2015
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	183,203,497,315
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	

#### 2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	30/06/2015
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	53,931,471,300
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	42,426,845,616	32,119,876,930
<b>Cộng</b>	<b>42,426,845,616</b>	<b>32,119,876,930</b>

Tổng lợi nhuận sau thuế quý 2/2015 là tăng 32,08% so với quý 2/2014, do quý 2 năm 2015 tổng sản lượng hàng tiêu thụ của Công ty tăng trong đó tỷ lệ sản lượng độc quyền tăng so với quý 2 năm 2014 đồng thời trong quý 2 năm 2015 có khoản phải thu cổ tức từ Công ty con SSC là 4.199 triệu dẫn đến nhuận tăng như trên.



